

Bản án số: **11/2022/HS-ST**
Ngày 22 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thái

Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đình Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị N D; tên gọi khác: Không; sinh năm 1990, tại tỉnh Điện B; nơi cư trú: Số nhà 87, tổ dân phố 2, phường HL, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H; chồng: Ngô C H; con: có 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/8/2022, bị cáo tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

* Bị hại: Chị Hoàng N C; địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường N T, thành phố B, tỉnh Đ (vắng mặt có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 03/7/2022 Nguyễn Thị N D là nhân viên bán hàng của cửa hàng xe máy N thuộc Công ty TNHH N có trụ sở tại: Tổ dân phố 01, phường N T, thành phố B, tỉnh Đ, trong lúc ở lại trực cửa hàng một mình D đã mở nhòm vào ngăn tủ của chị Hoàng N C là nhân viên của cửa hàng, thấy trong tủ có cọc tiền, D đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản là số tiền 39.100.000 đồng của chị C cất vào túi váy D đang mặc sau đó đem về nhà cất giấu. Do bị phát hiện nên ngày 15/7/2022, D đã mang số tiền trên trả cho chị.

Vật chứng thu giữ: Không.

Tại bản cáo trạng số 139/CT-VKSTPĐBP ngày 28/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện B Phủ đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị N D về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện B Phủ giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, căn cứ điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N D từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ, về tội Trộm cắp tài sản. Giao bị cáo cho UBND phường HL, thành phố B, tỉnh Đ để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường H L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo. Hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo;

- Về xử lý vật chứng: Không;

- Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường;

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về phần luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng mức án cải tạo không giam giữ để bị cáo có điều kiện chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị N D khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với đơn trình báo, B bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm, mọi lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại; Kết luận điều tra, các bản cung có trong hồ sơ vụ án cũng như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Vào trưa ngày 03/7/2022, Nguyễn Thị N D đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của chị C có giá trị là 39.100.000 đồng, vi phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”.

[2] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác xâm phạm trật tự an toàn xã hội do bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, muốn có tiền để phục vụ nhu cầu cá nhân nên phạm tội. Sau khi chiếm đoạt được tài sản bị cáo đã tự

nguyện trả lại cho bị hại, đã thành khẩn khai báo nhìn nhận ra lỗi lầm của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, hiện bị cáo đang một mình nuôi con nhỏ, bố bị cáo được nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương nên xét thấy không cần cách lý bị cáo ra khỏi xã hội để bị cáo có điều kiện chăm sóc con nhỏ.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thị N D tự nguyện sửa chữa khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bố đẻ của bị cáo được nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng 3 và bị hại có đơn xin cho bị cáo được hưởng mức án cải tạo không giam giữ nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, đồng thời giao cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt.

[4] Hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng Điều 35; khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, khấu trừ thu nhập, áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng, song xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, con bị cáo còn nhỏ, bản thân bị cáo có công việc nhưng thu nhập thấp chỉ đảm bảo cuộc sống tối thiểu của bản thân, nên không có khả năng thi hành. Do vậy HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Không

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận được tài sản và có đơn xin xét xử vắng mặt. Về trách nhiệm dân sự bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Về trách nhiệm hình sự đề nghị HĐXX xét xử bị cáo theo với mức án cải tạo không giam giữ. Xét thấy việc đề nghị của bị hại là có căn cứ, do vậy HĐXX chấp nhận.

[7] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại tự thỏa thuận được việc bồi thường, do vậy bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 125; Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N D phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo: **01 (Một) năm 03 (ba) tháng** cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N D cho Ủy ban nhân dân phường H L thành phố B, tỉnh Đ giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Không.

4. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường; Chấp nhận B bản về việc trả lại tài sản cho bị hại .

5. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/11/2022. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND TP Điện B Phủ;
- VKSND tỉnh Điện B;
- CQ CSĐT Công an TP Điện B Phủ;
- Đội HSNV Công an TP Điện B Phủ;
- CQ THAHS Công an TP Điện B Phủ;
- Nhà tạm giữ CATP;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện B;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục THADS TP Điện B Phủ;
- TAND tỉnh Điện B;
- UBND phường Him Lam;
- Lưu hồ sơ;
- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN B PHỦ
TỈNH ĐIỆN B**

Số: 03/TB-TA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện B Phủ, ngày 26 tháng 10 năm 2022

**THÔNG BÁO
KẾT QUẢ XÉT XỬ SƠ THẨM**

Kính gửi: UBND xã Nà Tấu, thành phố B, tỉnh Đ

Ngày 26/10/2022 Tòa án nhân dân thành phố Điện B, tỉnh Điện B đã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số 03/2022/HS-ST ngày 04/10/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vàng A Sử**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 24 tháng 4 năm 1980 tại tỉnh Điện B; nơi cư trú: Bản Hua Rôm, xã Nà Tấu, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng A Lạng (đã chết) và bà Lý Thị Mỹ (đã chết); vợ: Cháng Thị Sế.

Tại bản án số 03/2022/HS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2022 Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định:

.....

Căn cứ vào Điều 262 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ thông báo cho chính quyền xã, phường nơi bị cáo cư trú được biết.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thương Huyền

